MỤC LỤC LUẬT PHÁ SẢN 2014

**Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Áp dụng Luật phá sản

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Điều 5. Người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 6. Thông báo doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

Điều 7. Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan

Điều 8. Thẩm quyền giải quyết phá sản của Tòa án nhân dân

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản

Điều 10. Từ chối hoặc thay đổi Thẩm phán trong quá trình giải quyết phá sản

Điều 11. Cá nhân, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

Điều 12. Điều kiện hành nghề Quản tài viên

Điều 13. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Điều 14. Cá nhân không được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

Điều 15. Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự

Điều 18. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phá sản

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 20. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

Điều 21. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết phá sản

Điều 22. Lệ phí phá sản

Điều 23. Chi phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản

Điều 24. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Điều 25. Việc yêu cầu, cấp, thông báo văn bản trong giải quyết phá sản

**Chương II. ĐƠN VÀ THỤ LÝ ĐƠN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN**

Điều 26. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ

Điều 27. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của người lao động, đại diện công đoàn

Điều 28. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

Điều 29. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty cổ phần, thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã

Điều 30. Phương thức nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 31. Phân công Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 32. Xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 33. Chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền và giải quyết đề nghị xem xét lại việc chuyển đơn

Điều 34. Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 35. Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 36. Đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 37. Thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

Điều 38. Thủ tục nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản

Điều 39. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 40. Thông báo việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 41. Tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản

**Chương III. MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN**

Điều 42. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

Điều 43. Thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

Điều 44. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

Điều 45. Chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Điều 46. Thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Điều 47. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

Điều 48. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

Điều 49. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

Điều 50. Ủy thác tư pháp trong việc giải quyết phá sản

**Chương IV. NGHĨA VỤ VỀ TÀI SẢN**

Điều 51. Xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản

Điều 52. Xác định tiền lãi đối với khoản nợ

Điều 53. Xử lý khoản nợ có bảo đảm

Điều 54. Thứ tự phân chia tài sản

Điều 55. Nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh

Điều 56. Trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản

Điều 57. Trả lại tài sản nhận bảo đảm

Điều 58. Nhận lại hàng hóa đã bán

**Chương V. CÁC BIỆN PHÁP BẢO TOÀN TÀI SẢN**

Điều 59. Giao dịch bị coi là vô hiệu

Điều 60. Tuyên bố giao dịch vô hiệu

Điều 61. Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực

Điều 62. Thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện

Điều 63. Bù trừ nghĩa vụ

Điều 64. Tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

Điều 65. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

Điều 66. Gửi giấy đòi nợ

Điều 67. Lập danh sách chủ nợ

Điều 68. Lập danh sách người mắc nợ

Điều 69. Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

Điều 70. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 71. Xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc

Điều 72. Giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc

Điều 73. Nghĩa vụ của ngân hàng nơi doanh nghiệp hợp tác xã có tài khoản

Điều 74. Nghĩa vụ của người lao động

**Chương VI. HỘI NGHỊ CHỦ NỢ**

Điều 75. Triệu tập và gửi thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ

Điều 76. Nguyên tắc tiến hành Hội nghị chủ nợ

Điều 77. Quyền tham gia Hội nghị chủ nợ

Điều 78. Nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ

Điều 79. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ

Điều 80. Hoãn Hội nghị chủ nợ

Điều 81. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ

Điều 82. Ban đại diện chủ nợ

Điều 83. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ

Điều 84. Gửi Nghị quyết Hội nghị chủ nợ

Điều 85. Đề nghị, kiến nghị xem xét lại và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ

Điều 86. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản

**Chương VII. THỦ TỤC PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Điều 87. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Điều 88. Nội dung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Điều 89. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Điều 90. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã

Điều 91. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Điều 92. Công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã

Điều 93. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Điều 94. Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Điều 95. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

Điều 96. Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

**Chương VIII. THỦ TỤC PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Điều 97. Áp dụng quy định về thủ tục phá sản tổ chức tín dụng

Điều 98. Quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Điều 99. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng

Điều 100. Hoàn trả khoản vay đặc biệt

Điều 101. Thứ tự phân chia tài sản

Điều 102. Trả lại tài sản nhận ủy thác, nhận giữ hộ khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản phá sản

Điều 103. Giao dịch của tổ chức tín dụng trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt

Điều 104. Quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản

**Chương IX. TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN**

Điều 105. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn

Điều 106. Quyết định tuyên bố phá sản khi Hội nghị chủ nợ không thành

Điều 107. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ

Điều 108. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Điều 109. Gửi và thông báo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Điều 110. Nghĩa vụ về tài sản sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Điều 111. Đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Điều 112. Giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Điều 113. Xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt

**Chương X. XỬ LÝ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ CÓ TRANH CHẤP**

Điều 114. Xử lý tranh chấp tài sản trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Điều 115. Xử lý trường hợp có tranh chấp tài sản trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

**Chương XI. THỦ TỤC PHÁ SẢN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

Điều 116. Người tham gia thủ tục phá sản là người nước ngoài

Điều 117. Ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân Việt Nam đối với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Điều 118. Thủ tục công nhận và cho thi hành quyết định giải quyết phá sản của Tòa án nước ngoài

**Chương XII. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN**

Điều 119. Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản

Điều 120. Thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản

Điều 121. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản

Điều 123. Định giá lại tài sản

Điều 124. Bán tài sản

Điều 125. Thu hồi lại tài sản trong trường hợp có vi phạm

Điều 126. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản

Điều 127. Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Điều 128. Giải quyết khiếu nại việc thi hành Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

**Chương XIII. XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 129. Trách nhiệm do vi phạm pháp luật về phá sản

Điều 130. Cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản

**Chương XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 131. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 132. Hiệu lực thi hành

Điều 133. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành